

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TXD23B
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	An toàn lao động trong xây dựng(2)	Vẽ kỹ thuật xây dựng(3)	Cấu tạo kiến trúc(4)	Cơ kết cấu(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2355802014735	Ngô Nhựt	Anh	13/02/2008	8.3	9.4	8.3	7.4	6.0	7.2	6.4	6.2	6.8	Trung bình
02	2355802014736	Hồ Bảo	Duy	18/01/2008	6.2	6.8	6.8	6.9	7.1	7.5	5.7	5.3	6.7	Trung bình
03	2355802014737	Hồ Bảo	Duy	21/02/2008	0.0	1.2	0.0	2.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.4	Yếu
04	2355802014738	Ngô Trường	Duy	15/07/2007	5.9	7.4	7.9	5.7	5.5	6.7	5.7	5.3	6.0	Trung bình
05	2355802014739	Nguyễn Thiên	Đạt	16/06/2007	8.5	7.7	6.9	7.1	7.7	7.7	6.9	6.3	7.2	Khá
06	2355802014740	Trần Thành	Đạt	27/02/2008	6.5	5.6	5.3	5.6	5.4	6.6	5.0	5.3	5.7	Trung bình
07	2355802014741	Dương Hữu	Đầy	26/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
08	2355802014742	Lê Văn Tuấn	Em	02/05/2008	6.2	2.2	2.5	2.6	2.6	0.0	0.0	2.3	1.4	Yếu
09	2355802014743	Phạm Thanh Hùng	Em	06/08/1982	6.8	6.0	6.9	5.5	6.5	7.9	6.2	5.3	6.6	Trung bình
10	2355802014744	Trần Minh	Hiếu	26/08/2008	0.0	0.8	0.0	2.6	2.4	0.0	0.0	0.0	0.9	Yếu
11	2355802014745	Nguyễn Văn Duy	Hòa	16/01/2008	0.0	1.2	0.0	2.8	2.3	0.0	0.0	0.0	0.9	Yếu
12	2355802014746	Nguyễn Minh	Khang	14/09/2008	7.4	7.1	7.6	7.1	6.7	6.8	5.9	5.3	6.5	Trung bình
13	2355802014747	Ngô Quốc	Luân	05/05/2008	8.8	8.1	6.7	8.3	8.7	7.3	8.1	7.5	7.8	Khá
14	2355802014748	Lê Phùng	Minh	15/04/2008	7.1	5.1	8.3	5.9	6.6	6.8	5.9	6.1	6.5	Trung bình
15	2355802014749	Cao Thành	Nghĩa	24/08/2008	6.1	6.7	7.7	5.2	5.8	6.0	6.1	6.4	6.0	Trung bình
16	2355802014750	Lương Hiếu	Nghĩa	18/12/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
17	2355802014751	Nguyễn Thành	Nghĩa	01/08/2004	9.0	8.2	8.7	7.2	8.5	9.1	9.0	6.9	8.3	Giỏi
18	2355802014752	Nguyễn Triệu Thành	Nhân	23/08/2008	5.8	6.8	7.1	7.0	5.5	6.5	6.5	5.3	6.2	Trung bình
19	2355802014753	Nguyễn Văn	Phú	28/11/2008	8.6	6.4	7.1	6.8	8.0	8.9	8.3	6.5	7.9	Khá
20	2355802014754	Huỳnh Bảo	Phúc	12/11/2008	8.6	8.5	8.0	5.9	7.0	6.7	7.0	6.0	6.7	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	An toàn lao động trong xây dựng(2)	Vẽ kỹ thuật xây dựng(3)	Cấu tạo kiến trúc(4)	Cơ kết cấu(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
21	2355802014755	Trần Hoàng	Phúc	06/03/2008	0.0	0.0	0.0	2.4	2.3	0.0	0.0	0.0	0.8	Yếu
22	2355802014756	Thì Lâm	Quốc	07/11/2008	0.0	1.4	0.0	0.0	2.1	0.0	0.0	0.0	0.5	Yếu
23	2355802014757	Nguyễn Phúc	Thịnh	15/12/2008	8.2	5.6	8.6	6.8	6.8	8.3	6.4	8.0	7.5	Khá
24	2355802014758	Trương Hòa	Thịnh	31/07/2008	7.8	6.3	7.0	7.1	6.8	8.2	6.8	6.8	7.3	Khá
25	2355802014759	Dương Văn	Thọ	10/03/1991	6.8	6.7	8.3	6.4	6.5	6.6	5.2	5.3	6.3	Trung bình
26	2355802014760	Nguyễn Phước	Thông	16/03/2008	6.1	5.2	8.2	6.5	6.2	6.5	6.6	5.9	6.5	Trung bình
27	2355802014761	Quách Tuấn	Thuận	21/10/2008	7.4	8.3	8.0	6.7	5.6	6.5	5.6	5.9	6.2	Trung bình
28	2355802014762	Ngô Hữu	Tình	12/09/2008	8.1	2.8	3.2	3.2	2.9	2.9	2.8	6.6	3.5	Yếu
29	2355802014763	Nguyễn Hữu	Tình	01/09/2008	8.3	5.1	6.2	6.7	6.6	7.1	6.8	5.6	6.6	Trung bình
30	2355802014764	Nguyễn Trần Hữu	Trí	23/01/2008	0.0	1.4	0.0	2.6	2.3	0.0	0.0	0.0	0.9	Yếu
31	2355802014765	Võ Trần Việt	Tuyển	11/06/2008	7.7	5.5	7.0	6.3	7.4	8.0	6.4	6.2	7.1	Khá
32	2355802014766	Hồ Bảo	Tường	25/12/2008	7.3	6.8	7.3	7.6	6.5	7.3	7.7	6.8	7.2	Khá
33	2355802014767	Nguyễn Quốc	Việt	18/03/2008	7.2	5.4	5.9	5.6	6.1	7.0	7.7	5.5	6.4	Trung bình
34	2355802014768	Nguyễn Trung	Vĩnh	13/10/2008	8.7	8.3	7.2	6.9	7.4	7.8	6.4	5.7	7.0	Khá
35	2355802015239	Nguyễn Chí	Khang	08/07/2008	6.2	6.5	6.5	6.1	5.3	6.0	6.1	5.9	5.9	Trung bình

Lưu ý : Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái